



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 06
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

04-04-2017

Ban Tổng giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIÊN THÔNG ĐỒNG THÁP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 ("năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016").

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đến ngày lập các báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Hội đồng quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông NGÔ VIỆT TÂN	Chủ tịch
Ông NGUYỄN VĂN THÀNH	Ủy viên
Ông HUỖNH KIM THUẬN	Ủy viên
Ông TRẦN THANH TÚ	Ủy viên
Ông LÊ VĂN HÒA	Ủy viên

<u>Ban kiểm soát</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông NGUYỄN HỮU ĐÔNG	Trưởng ban
Ông TRÀ BÁ PHÚC	Ủy viên
Bà TRẦN KIM TUYỀN	Ủy viên

<u>Ban Tổng giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông NGÔ VIỆT TÂN	Tổng giám đốc
Ông NGUYỄN VĂN THÀNH	Phó Tổng giám đốc
Ông HUỖNH KIM THUẬN	Phó Tổng giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm Toán Thuế Tư Vấn Sài Gòn đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Chúng tôi cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện và thay mặt Ban Tổng giám đốc,



**NGO VIỆT TÂN**

Tổng Giám Đốc

TP Cao Lãnh, ngày 25 tháng 03 năm 2017



Số: 17126 /BCKT-SGA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP  
năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TÒNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Cơ sở cho ý kiến chấp nhận từng phần

Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền ước tính là 3.136.198.151 đồng theo thuyết minh Báo cáo tài chính V.6.

## Ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở cho ý kiến chấp nhận từng phần, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**BÙI TRUNG SÀI GÒN**

Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1341-2013-207-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THUẾ TƯ VẤN SÀI GÒN**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

**HUỖNH THẾ THO**

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3257-2015-207-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Cuối năm	Đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.158.900.304</b>	<b>76.044.575.070</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.573.337.511</b>	<b>1.758.728.894</b>
1. Tiền	111	V.1	1.573.337.511	1.758.728.894
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.519.688.606</b>	<b>43.889.717.461</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	42.053.046.506	39.857.073.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.297.600	844.321.007
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.461.344.500	3.188.323.244
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.065.874.187</b>	<b>30.396.128.715</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	17.065.874.187	30.396.128.715
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.177.911.565</b>	<b>20.004.843.118</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.106.323.226</b>	<b>18.096.136.917</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	12.762.616.741	12.733.485.720
- Nguyên giá	222		22.171.223.073	20.309.474.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.408.606.332)	(7.575.988.856)
2. Tài sản cố định vô hình	227		5.343.706.485	5.362.651.197
- Nguyên giá	228		5.508.788.600	5.508.788.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(165.082.115)	(146.137.403)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>707.869.997</b>	<b>110.213.400</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		707.869.997	110.213.400
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	750.000.000	750.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>613.718.342</b>	<b>1.048.492.801</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	613.718.342	1.048.492.801
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>82.336.811.869</b>	<b>96.049.418.188</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Cuối năm	Đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>31.785.195.836</b>	<b>45.365.121.595</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.785.195.836</b>	<b>45.365.121.595</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	21.432.944.520	25.395.767.700
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	266.072.000	6.417.225.915
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V.13	1.904.021.147	1.929.156.465
4. Phải trả người lao động	314		-	126.825.270
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	-	119.396.856
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	6.221.123.247	9.497.770.273
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.961.034.922	1.878.979.116
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.551.616.033</b>	<b>50.684.296.593</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>50.551.616.033</b>	<b>50.684.296.593</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.129.500.000	7.129.500.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.383.355.796	32.383.355.796
11. Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		1.038.760.237	1.171.440.797
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	6.030.566
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.038.760.237	1.165.410.231
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>82.336.811.869</b>	<b>96.049.418.188</b>



**NGÔ VIỆT TẤN**

Tổng Giám Đốc

TP Cao Lãnh, ngày 25 tháng 03 năm 2017

**BÙI PHÚ QUÍ**

Kế toán trưởng

**LÊ MINH TUYẾN**

Người lập biểu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	109.537.258.892	89.360.008.522
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	255.988.000	106.586.443
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	109.281.270.892	89.253.422.079
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.693.052.466	75.775.731.980
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>13.588.218.426</b>	<b>13.477.690.099</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	34.763.949	43.550.518
7. Chi phí tài chính	22		766.260.556	474.119.366
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		766.260.556	474.119.366
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	11.306.108.420	11.542.008.554
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>1.550.613.399</b>	<b>1.505.112.697</b>
11. Thu nhập khác	31		18.181.818	2.852.682
12. Chi phí khác	32		214.074.043	2.246.151
13. Lợi nhuận khác	40		(195.892.225)	606.531
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.354.721.174</b>	<b>1.505.719.228</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	315.960.937	340.308.997
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.5	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.038.760.237</b>	<b>1.165.410.231</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.039	1.165
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			



**NGÔ VIỆT TẤN**

Tổng Giám Đốc

TP Cao Lãnh, ngày 25 tháng 03 năm 2017

**BÙI PHÚ QUÍ**

Kế toán trưởng

**LÊ MINH TUYỀN**

Người lập biểu



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		110.743.777.272	94.857.117.586
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(66.545.134.657)	(65.770.869.793)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.731.982.308)	(5.238.234.853)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(766.260.556)	(474.119.366)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(240.319.804)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.506.348.772	5.305.914.276
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(28.288.718.830)	(36.226.751.728)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.677.709.889</b>	<b>(7.546.943.878)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(1.638.915.852)	(1.743.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22		18.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.500.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	50.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.640.662	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.595.093.372)</b>	<b>48.257.000</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.024.822.500	23.992.592.264
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.683.342.400)	(14.798.025.107)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(609.488.000)	(261.488.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.268.007.900)</b>	<b>8.933.079.157</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(185.391.383)</b>	<b>1.434.392.279</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)


cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.758.728.894	324.336.615
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>1.573.337.511</b>	<b>1.758.728.894</b>



**NGÔ VIỆT TÂN**  
Tổng Giám Đốc  
TP Cao Lãnh, ngày 25 tháng 03 năm 2017

  
**BÙI PHÚ QUÍ**  
Kế toán trưởng

  
**LÊ MINH TUYÊN**  
Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400478233 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 08 tháng 10 năm 2011.

Trụ sở hoạt động của Công ty là 209 - 211 - 213 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp..

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng công trình

#### 3. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng chuyên dụng khác; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công ích; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan; lắp đặt hệ thống xây dựng khác gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là tiền đồng Việt Nam (VNĐ) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VNĐ).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ toàn bộ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định có liên quan đến công tác kế toán trên các phương diện trọng yếu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế ngoài nước Việt Nam. Do đó, các nguyên tắc và thực hành kế toán tại Việt Nam có thể khác với nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng) sẵn sàng có thể chuyển đổi thành tiền mà không gặp bất kỳ rủi ro trọng yếu nào.

#### 2. Các khoản đầu tư

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

#### 3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ước tính có thể thu được. Giá trị của các khoản phải thu được ước tính dựa trên giá trị ghi sổ các khoản phải thu trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi ước tính cho phần giá trị bị tổn thất do quá hạn thanh toán, khách hàng không có khả năng thanh toán.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cho hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng trạng thái và địa điểm hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành cùng với các chi phí phát sinh trong quá trình tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập theo quy định hiện hành cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian khấu hao ước tính của các tài sản. Thời gian khấu hao ước tính của các tài sản cố định tại Công ty được áp dụng như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	04 - 07 năm



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn, được thể hiện theo giá trị còn lại. Chi phí trả trước được vốn hóa và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước mang lại lợi ích kinh tế trên 01 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn.

### 8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền sẽ phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã được nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trích trước.

### 9. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính tốt nhất về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo.

### 10. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định dựa trên các khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi từ các khoản đầu tư đó.

### 11. Chi phí

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### 12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các khoản chi phí lãi vay khác phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

### 13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày theo tổng giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế có liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định các loại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo thời kỳ và việc xác định sau cùng thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	47.893.425	24.457.878
Tiền gửi ngân hàng	1.525.444.086	1.734.271.016
	<b>1.573.337.511</b>	<b>1.758.728.894</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Xây Lắp & DV Bưu điện Kiên Giang (30.000 Cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐKD ngày 21/01/2013 (*)	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>

(\*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐKD ngày 21/01/2013, Công ty (Bên A) và DNTN Vĩnh Phát (Bên B) cùng hợp tác để xây dựng công trình Nhà lắp ráp cho chương trình Cụm - Tuyển dân cư vượt lũ huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, Bên A góp vốn 81,08% giá trị các căn nhà, và được hưởng 50% lợi nhuận/1 căn nhà, lợi nhuận này được xác định sau khi trừ các chi phí hợp lý và lãi suất thỏa thuận 13%/năm trong thời gian từ ngày chuyển vốn đến ngày nhận lại vốn. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Bên A chỉ mới nhận lại được 50.000.000 VNĐ vốn góp.

**3. Phải thu khách hàng**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>42.053.046.506</b>	<b>39.857.073.210</b>
Viễn thông Tiền Giang	7.306.142.329	182.618.000
Viễn thông Trà Vinh	5.593.130.849	538.500.000
Sở Y Tế tỉnh Đồng Tháp	2.351.516.000	1.384.457.688
Trung tâm Hạ tầng miền Nam - CN Tổng Công ty Hạ tầng mạng	2.243.135.453	76.713.425
Viễn thông Bình Phước	2.158.373.819	1.319.179.600
Công ty CP Đầu tư KD Địa ốc Hưng Thịnh	2.124.902.000	-
Ban QLDA H.Tam Nông	1.886.574.000	-
Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Tháp	1.863.933.000	2.686.968.000
Công ty TNHH XD TM Ngọc Thiện	1.860.088.232	1.860.088.232
Bộ Chỉ huy Quân sự Lâm Đồng	1.683.361.126	1.550.422.131
Viễn thông Đồng Tháp	1.594.976.597	1.769.284.401
Ban QLDA TP.Cao Lãnh	1.335.582.000	582.918.000
Sở GD & ĐT tỉnh Đồng Tháp	1.077.000.000	5.589.678.000
Công ty CP ĐT XD Viễn thông Hoàng Hưng	1.040.616.919	1.240.616.919
Khác	7.933.714.182	21.075.628.814



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 4. Trả trước nhà cung cấp

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Trả trước nhà cung cấp ngắn hạn</b>	<b>5.297.600</b>	<b>844.321.007</b>
Cửa hàng nhôm kính An Tâm	-	145.000.000
CN Nha Trang - Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	-	347.914.943
Công ty TNHH MTV DV Giàu Sang	-	61.974.000
Công ty CP TM Điện máy Kim Biên	-	87.556.163
Công ty TNHH MTV XL An Giang - NM gạch ngói TUNNEL Long Xuyên	-	67.785.901
Công ty CP XNK Vách Ngăn Việt	-	58.000.000
Công ty TNHH MTV XL An Giang	-	2.325.000
Nguyễn Hữu Giỏi	-	71.890.000
Trung tâm KD VNPT - TPHCM - CN Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	-	1.875.000
Công ty TNHH Nam Vạn Ngọc	5.297.600	-

### 5. Phải thu khác

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Phải thu khác ngắn hạn:</b>	<b>1.461.344.500</b>	<b>3.188.323.244</b>
Phải thu khác	155.384.260	545.878.669
<i>Bảo lãnh dự thầu</i>	127.177.642	136.703.691
<i>Ký quỹ với công ty Điện lực và Cấp nước</i>	6.000.000	30.695.000
<i>Khác</i>	22.206.618	378.479.978
Tạm ứng	1.305.960.240	2.642.444.575
<i>Nhân viên công ty tạm ứng thanh toán chi phí cho các công trình hoặc thanh toán công tác phí.</i>		

### 6. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Nợ phải thu khó đòi (*)</b>	<b>3.136.198.151</b>		<b>3.578.388.705</b>	
Công ty TNHH XD TM Ngọc Thiện	1.860.088.232	-	1.860.088.232	-
Công ty CP ĐT XD Viễn thông Hoàng Hưng	1.040.616.919	-	1.240.616.919	-
Công ty CP ĐT & XD Sao Mai tỉnh An Giang	185.000.000	-	197.982.815	-
Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	50.493.000	-	102.980.000	-
Công ty TNHH Gia Phúc	-	-	75.303.739	-
Công ty TNHH TM XD Phát Đạt	-	-	69.540.000	-
Công ty TNHH OV	-	-	31.877.000	-
	<b>3.136.198.151</b>	<b>-</b>	<b>3.578.388.705</b>	<b>-</b>
Trong đó				
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi		-		-
Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi		-		-

(\*) Đây là các khách hàng nợ quá hạn trên 3 năm và khó có khả năng thu hồi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 7. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đi đường	-	-	-	-
Nguyên vật liệu	1.017.419.667	-	1.039.988.081	-
Công cụ, dụng cụ	5.274.500	-	29.314.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.019.559.370	-	29.302.205.484	-
Thành phẩm	14.703.150	-	14.703.150	-
Hàng hóa	8.917.500	-	9.917.500	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
	<b>17.065.874.187</b>	<b>-</b>	<b>30.396.128.715</b>	<b>-</b>

### 8. Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình

#### a. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	10.980.515.244	4.698.258.640	4.630.700.692	-	20.309.474.576
- Mua trong năm	-	1.593.818.182	-	-	1.593.818.182
- Đầu tư XD CB hoàn thành	267.930.315	-	-	-	267.930.315
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.248.445.559	6.292.076.822	4.630.700.692	-	22.171.223.073
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.935.019.739	2.360.493.224	3.280.475.893	-	7.575.988.856
- Khấu hao trong năm	771.328.630	728.765.378	332.523.468	-	1.832.617.476
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.706.348.369	3.089.258.602	3.612.999.361	-	9.408.606.332
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	9.045.495.505	2.337.765.416	1.350.224.799	-	12.733.485.720
Tại ngày cuối năm	8.542.097.190	3.202.818.220	1.017.701.331	-	12.762.616.741
				Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>				3.333.894.932	2.999.830.549

#### b. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	5.508.788.600	-	-	-	5.508.788.600
Số dư cuối năm	5.508.788.600	-	-	-	5.508.788.600
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	146.137.403	-	-	-	146.137.403
- Khấu hao trong năm	18.944.712	-	-	-	18.944.712
Số dư cuối năm	165.082.115	-	-	-	165.082.115
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	5.362.651.197	-	-	-	5.362.651.197
Tại ngày cuối năm	5.343.706.485	-	-	-	5.343.706.485



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 9. Chi phí trả trước

#### Dài hạn

Chi phí, công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

Số dư đầu năm

Tăng trong năm

Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh

Giảm khác

Số dư cuối năm

	Cuối năm	Đầu năm
	<b>613.718.342</b>	<b>1.048.492.801</b>
	613.718.342	1.048.492.801
	Năm nay	Năm trước
	1.048.492.801	1.810.328.357
	709.700.000	480.063.729
	(1.144.474.459)	(1.241.899.285)
	-	-
	<b>613.718.342</b>	<b>1.048.492.801</b>

### 10. Vay và nợ thuê tài chính

#### Vay ngắn hạn

VietinBank - CN Đồng Tháp

VPBank - CN Đồng Tháp

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<b>6.221.123.247</b>	<b>6.221.123.247</b>	<b>9.497.770.273</b>	<b>9.497.770.273</b>
	1.921.191.675	1.921.191.675	4.299.740.046	4.299.740.046
	4.299.931.572	4.299.931.572	5.198.030.227	5.198.030.227

### 11. Phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

Quách Văn Phong

Lương Thanh Nhân

Trương Văn Phong

Công ty TNHH Tấn Thuận Thành

Công ty TNHH XL Viễn thông Cửu Long

Trương Đình Trí

Trang trí nội thất Ngọc Ảnh

Khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	21.432.944.520	21.432.944.520	25.395.767.700	25.395.767.700
	3.886.178.959	3.886.178.959	1.436.185.484	1.436.185.484
	2.354.207.945	2.354.207.945	-	-
	2.072.421.652	2.072.421.652	683.699.198	683.699.198
	1.558.202.000	1.558.202.000	4.123.756.710	4.123.756.710
	1.283.594.433	1.283.594.433	-	-
	1.249.726.715	1.249.726.715	1.454.630.544	1.454.630.544
	1.076.686.200	1.076.686.200	1.655.927.800	1.655.927.800
	7.951.926.616	7.951.926.616	16.041.567.964	16.041.567.964

### 12. Người mua trả tiền trước

Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn

Ban QLDA H.Tam Nông

Ban QLDA XD các Công trình H.Thanh Bình

Viettel Đồng Tháp - CN Tập đoàn VT Quân đội

Trung tâm Phát triển Quý nhà đất tỉnh Đồng Tháp

	Cuối năm	Đầu năm
	<b>266.072.000</b>	<b>6.417.225.915</b>
	-	2.700.757.000
	-	2.844.896.000
	-	424.496.915
	266.072.000	447.076.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.834.543.107	6.808.763.394	(6.921.960.211)	1.721.346.290
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.319.804	315.960.937	(240.319.804)	165.960.937
- Thuế thu nhập cá nhân	4.293.554	90.663.286	(78.242.920)	16.713.920
- Thuế khác	-	2.000.000	(2.000.000)	-
<b>Thuế phải nộp</b>	<b>1.929.156.465</b>	<b>7.217.387.617</b>	<b>(7.242.522.935)</b>	<b>1.904.021.147</b>
<b>Thuế phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

14. Phải trả khác	Cuối năm	Đầu năm
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>119.396.856</b>
- Thù lao HĐQT, BKS	-	119.396.856

### 15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>7.129.500.000</b>	<b>267.518.566</b>	<b>32.383.355.796</b>	<b>49.780.374.362</b>
- Trích quỹ	-	-	-	-	-
- Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	1.165.410.231	-	1.165.410.231
- Tạm ứng cổ tức	-	-	(261.488.000)	-	(261.488.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>7.129.500.000</b>	<b>1.171.440.797</b>	<b>32.383.355.796</b>	<b>50.684.296.593</b>
- Chia cổ tức	-	-	(609.488.000)	-	(609.488.000)
- Trích quỹ KT, PL	-	-	(561.952.797)	-	(561.952.797)
- Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	1.038.760.237	-	1.038.760.237
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>7.129.500.000</b>	<b>1.038.760.237</b>	<b>32.383.355.796</b>	<b>50.551.616.033</b>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đầu tư/chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 VNĐ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được nhà đầu tư góp đủ.

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm	
	VNĐ	Tỷ lệ	VNĐ	Tỷ lệ
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	3.200.000.000	32,00%	3.200.000.000	32,00%
- Công ty TM Dầu khí Đồng Tháp	1.050.000.000	10,50%	1.050.000.000	10,50%
- Công ty Tài chính Bưu điện	480.000.000	4,80%	480.000.000	4,80%
- Các cổ đồng khác	5.270.000.000	52,70%	5.270.000.000	52,70%
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn điều lệ đăng ký của chủ sở hữu	10.000.000.000	10.000.000.000
+Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	609.488.000	261.488.000

### d. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.000.000	1.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.000.000	1.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Mệnh giá cổ phiếu lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

### e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	32.383.355.796	32.383.355.796
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	<b>109.537.258.892</b>	<b>89.360.008.522</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.382.426.079	1.246.901.093
Doanh thu xây lắp	107.154.832.813	88.113.107.429
Các khoản giảm trừ doanh thu	<b>255.988.000</b>	<b>106.586.443</b>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	255.988.000	106.586.443
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2.382.426.079	1.246.901.093
Doanh thu xây lắp	106.898.844.813	88.006.520.986
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.281.270.892</b>	<b>89.253.422.079</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Năm nay	Năm trước
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng bán	95.693.052.466	75.775.731.980
	<b>95.693.052.466</b>	<b>75.775.731.980</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.763.949	25.550.518
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	18.000.000
	<b>34.763.949</b>	<b>43.550.518</b>
<b>4. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	6.956.957.595	7.215.795.987
Chi phí vật liệu quản lý	402.111.314	590.840.598
Chi phí đồ dùng văn phòng	296.890.364	411.189.181
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.436.654.979	1.271.188.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	919.446.612	853.794.810
Chi phí bằng tiền khác	1.294.047.556	1.199.199.559
	<b>11.306.108.420</b>	<b>11.542.008.554</b>
<b>5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	315.960.937	340.308.997
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	315.960.937	340.308.997

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## VII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

#### a. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền		1.573.337.511	1.758.728.894
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác		43.514.391.006	43.045.396.454

#### b. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

#### c. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi có kỳ hạn. Rủi ro tín dụng của Công ty từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng tổ chức phát hành công cụ. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty phân tích độ tin cậy của tổ chức phát hành trước khi mua các công cụ này. Ban Giám đốc đánh giá tổ chức phát hành có sổ sách theo dõi tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ này thấp. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, được giữ chủ yếu bởi các tổ chức danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và tin rằng các tổ chức tài chính này không thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

### 2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm lãi suất ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Trong vòng 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Vay	6.221.123.247	-	6.221.123.247
Phải trả người bán	21.432.944.520	-	21.432.944.520
Phải trả người lao động	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-
	<u>27.654.067.767</u>	<u>-</u>	<u>27.654.067.767</u>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016

	Trong vòng 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Vay	9.497.770.273	-	9.497.770.273
Phải trả người bán	25.395.767.700	-	25.395.767.700
Phải trả người lao động	126.825.270	-	126.825.270
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	119.396.856	-	119.396.856
	<u>35.139.760.099</u>	<u>-</u>	<u>35.139.760.099</u>

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức thấp và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hơn nữa, các nhà đầu tư xác nhận sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính nhằm đảm bảo Công ty có khả năng thanh toán.

### 3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

#### a. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Nợ gốc của các khoản vay ngân hàng bằng USD của Công ty đều đã được dự phòng rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua các hợp đồng kỳ hạn có ngày đáo hạn vào cùng thời điểm trả nợ của các khoản vay này.

#### b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay theo lãi suất thả nổi hoặc cố định. Các rủi ro này được Công ty kiểm soát bằng các phân tích tình hình lãi suất trên thị trường để đảm bảo được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng vẫn đảm bảo rủi ro được kiểm soát.

#### Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích về độ nhạy đối với lãi suất của Công ty (nếu có), tại ngày lập báo cáo vì được đánh giá là không trọng yếu.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Sau ngày kết thúc không phát sinh các sự kiện trọng yếu đòi hỏi phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính báo cáo tài chính.

#### 2. Thông tin so sánh

Các số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho mục đích trình bày báo cáo tài chính năm nay

#### 3. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc Công ty xác nhận Công ty không có ý định chấm dứt hoạt động hoặc thu hẹp quy mô trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc niên độ. Do vậy, báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục



**NGÔ VIỆT TÂN**  
Tổng Giám Đốc

TP Cao Lãnh, ngày 25 tháng 3 năm 2017

**BÙI PHÚ QUÍ**  
Kế toán trưởng

**LÊ MINH TUYỀN**  
Người lập biểu